**NGUY CƠ TƯƠNG TÁC CỦA MỘT SỐ KHÁNG SINH THƯỜNG DÙNG MÀ MỘT DƯỢC SỸ CẦN LƯU Ý**

(Dấu \* trước một tên thuốc là biểu thị cho những tương tác nên tránh hoặc khi bắt buộc phải phối hợp cần theo dõi chặt chẽ)

1. Amoxicilin

- Allopurinol: Tăng nguy cơ bị ngứa

- Thuốc tránh thai đường uống: Có thể có nguy cơ giảm tác dụng của thuốc tránh thai

- Methotrexat: Giảm thải trừ methotrexat (tăng nguy cơ gây độc tính)

- Warfarin: Các nghiên cứu không chứng minh được tương tác này nhưng kinh nghiệm cho thấy tác dụng chống đông có ảnh hưởng khi dùng đồng thời với amoxicilin

- Amoxicilin + clavulanic acid: xem amoxicilin

2. Ampicilin

- Allopurinol: Tăng nguy cơ bị ngứa

- Thuốc tránh thai đường uống: Có thể có nguy cơ giảm tác dụng của thuốc tránh thai

- Methotrexat: Giảm thải trừ methotrexat (nguy cơ tăng độc tính).

- Warfarin: Các nghiên cứu không chứng minh được tương tác này nhưng kinh nghiệm cho thấy tác dụng chống đông có ảnh hưởng khi dùng đồng thời với ampicilin.

3. Benzathin benzylpenicilin: xem benzylpenicilin

4. Benzylpenicilin

- Methotrexat: Giảm thải trừ methotrexat (tăng nguy cơ gây độc tính)

5. Ceftazidim

- Thuốc tránh thai dạng uống: Có thể giảm tác dụng của thuốc tránh thai

- Furosemid: Độc tính trên thận của ceftazidim có thể tăng

- Warfarin: Có thể ảnh hưởng tới tác dụng chống đông

6. Ceftriaxon

- Thuốc tránh thai dạng uống: Có thể ảnh hưởng tới tác dụng tránh thai

- Furosemid: Độc tính trên thận của ceftriaxon có thể tăng

- \* Warfarin: Có thể ảnh hưởng tới tác dụng chống đông

7. Cloramphenicol

- \* Ciclosporin: Nồng độ trong huyết tương của ciclosporin có thể tăng

- \* Glibenclamid: Tăng tác dụng của glibenclamid

- \* Phenobarbital: Chuyển hoá của cloramphenicol tăng (giảm nồng độ cloramphenicol).

- \* Phenytoin: Nồng độ phenytoin trong huyết tương tăng (nguy cơ ngộ độc)

- Rifampicin: Tăng chuyển hoá cloramphenicol (giảm nồng độ cloramphenicol trong huyết tương)

- \* Warfarin: Tăng tác dụng chống đông

8. Ciprofloxacin

- Antacid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): Giảm hấp thu ciprofloxacin.

- \* Ciclosporin: Tăng nguy cơ độc thận

- Muối sắt: Muối sắt dùng đường uống làm giảm hấp thu ciprofloxacin

- \* Ibuprofen: Có thể tăng nguy cơ gây co giật

- Phenytoin: Nồng độ trong huyết tương của phenytoin có thể thay đổi

- \* Theophylin: Tăng nồng độ theophylin trong huyết thanh và tăng nguy cơ gây co giật

- \* Warfarin: Tăng tác dụng chống đông

9. Doxycyclin

- Antacid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): Giảm hấp thu doxycyclin

- Carbamazepin: Tăng chuyển hoá doxycyclin (giảm tác dụng của doxycyclin)

- \* Ciclosporin: Có thể tăng nồng độ ciclosporin trong huyết tương

- \* Thuốc tránh thai dạng uống: Có thể giảm tác dụng tránh thai

- Muối sắt: Giảm hấp thu muối sắt, giảm hấp thu doxycyclin.

- \* Phenobarbital: Tăng chuyển hoá doxycyclin (giảm nồng độ doxycyclin trong huyết tương).

- Phenytoin: Tăng chuyển hoá doxycyclin (giảm nồng độ doxycyclin trong huyết tương)

- Rifampicin: Nồng độ trong huyết tương của doxycyclin có thể giảm

- \* Warfarin: Có thể tăng tác dụng chống đông

10. Erythromycin

- Astemisol: Erythromycin ức chế chuyển hóa astemisol, tăng nguy cơ gây xoắn đỉnh

- \* Carbamazepin: Tăng nồng độ carbamazepin trong huyết tương

- \* Ciclosporin: Tăng nồng độ ciclosporin trong huyết tương do ức chế chuyển hoá.

- Cimetidin: Tăng nồng độ erythromycin trong huyết tương (tăng độc tính)

- Dexamethason: Erythromycin có thể ức chế chuyển hoá dexamethason

- Digoxin: Tăng tác dụng của digoxin

- \* Ergotamin: Nguy cơ ngộ độc nấm cựa gà (tăng tác dụng co mạch gây thiếu máu chi). Tránh phối hợp.

- Fludrocortison: Erythromycin có thể ức chế chuyển hoá fludrocortison

- Hydrocortison: Erythromycin có thể ức chế chuyển hoá hydrocortison

- Prednisolon: Erythromycin có thể ức chế chuyển hoá prednisolon

- Ritonavir: Nồng độ erythromycin có thể tăng do ritonavir

- \* Theophylin: ức chế chuyển hoá theophylin (tăng nồng độ theophylin). Với erythromycin đường uống thì nồng độ erythromycin trong huyết tương giảm

- \* Warfarin: Có thể tăng tác dụng chống đông

11. Gentamicin

- \* Alcuronium: Tăng tác dụng giãn cơ

- Amphotericin: Tăng nguy cơ độc thận

- \* Ciclosporin: Tăng nguy cơ độc thận

- \* Furosemid: Tăng nguy cơ độc cho trên thính giác

- \* Neostigmin: Đối kháng tác dụng neostigmin.

- \* Suxamethonium: Tăng tác dụng giãn cơ

- Vancomycin: Tăng nguy cơ độc trên tai và thận

12. Isoniazid

- Antacid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): giảm hấp thu isoniazid

- \* Carbamazepin: Tăng nồng độ huyết tương carbamazepin, độc tính isoniazid trên gan có thể tăng

- Diazepam: Chuyển hoá diazepam bị ức chế

- Halothan: Tăng nguy cơ tiềm tàng của isoniazid gây độc gan

- Ketamin: Tăng nguy cơ tiềm tàng của isoniazid gây độc gan

- \* Phenytoin: ức chế chuyển hoá phenytoin (tăng tác dụng phenytoin)

- Theophylin: Nồng độ theophylin có thể tăng

- Thiopental: Tăng nguy cơ tiềm tàng của isoniazid gây độc gan

13. Metronidazol

- Rượu: Gây hội chứng sợ rượu

- Cimetidin: ức chế chuyển hoá metronidazol nên làm tăng nồng độ metronidazol trong huyết tương

- Fluorouracil: Chuyển hoá fluorouracil bị ức chế (tăng độc tính)

- Phenobarbital: Chuyển hoá metronidazol tăng (giảm nồng độ metronidazol trong máu).

- \* Phenytoin: Chuyển hoá phenytoin bị ức chế (tăng nồng độ phenytoin trong máu).

- \* Warfarin: Có thể tăng tác dụng chống đông

14. Minocyclin

- Thuốc kháng acid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): Giảm hấp thu minocyclin

- \* Thuốc tránh thai dạng uống: Tác dụng tránh thai có thể giảm

- Muối sắt: Đều giảm hấp thu minocyclin và muối sắt

- \* Warfarin: Có thể tăng tác dụng chống đông

15. Nalidixic acid

- \* Ciclosporin: Tăng nguy cơ độc thận

- \* Ibuprofen: Có thể tăng nguy cơ bị co giật

- \* Theophylin: Có thể tăng nguy cơ bị co giật

- \* Warfarin: Có thể tăng tác dụng chống đông

16. Ofloxacin

- Antacid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): Giảm hấp thu ofloxacin

- \* Ciclosporin: Tăng nguy cơ độc thận

- Muối sắt: Muối sắt làm giảm hấp thu ofloxacin

- \* Ibuprofen: Có thể tăng nguy cơ bị co giật

- \* Theophylin: Có thể tăng nguy cơ bị co giật

- \* Warfarin: Tăng tác dụng chống đông

17. Phenoxymethylpenicilin

Methotrexat: Giảm thải trừ methotrexat (tăng độc tính)

18. Rifampicin

- Amitriptylin: Nồng độ amitriptylin có thể giảm (giảm tác dụng chống trầm cảm)

- Antacid (aluminium hydroxid; magnesi hydroxid): Giảm hấp thu rifampicin

- \* Azathioprin: Có thể xảy ra thải ghép

- Cloramphenicol: Tăng chuyển hoá cloramphenicol (giảm nồng độ cloramphenicol trong máu).

- \* Ciclosporin: Tăng chuyển hoá ciclosporin nên làm giảm nồng độ ciclosporin trong huyết tương

- Cimetidin: Tăng chuyển hoá cimetidin (giảm nồng độ cimetidin trong huyết tương)

- \* Thuốc tránh thai đường uống: Tăng chuyển hoá thuốc thánh thai nên làm giảm tác dụng tránh thai.

- \* Dexamethason: Tăng chuyển hoá dexamethason (giảm tác dụng)

- Diazepam: Tăng chuyển hoá diazepam (giảm nồng độ trong máu)

- Doxycyclin: Nồng độ doxycyclin có thể giảm

- \* Fluconazol: Tăng chuyển hoá fluconazol (giảm nồng độ trong máu)

- \* Fludrocortison: Tăng chuyển hoá fludrocortison (giảm tác dụng)

- \* Glibenclamid: Có thể tăng chuyển hoá (giảm tác dụng của glibenclamid)

- \* Haloperidol: Tăng chuyển hoá haloperidol (giảm nồng độ haloperidol trong máu)

- \* Hydrocortison: Tăng chuyển hoá hydrocortison (giảm tác dụng)

- \* Indinavir: Rifampicin làm tăng chuyển hoá indinavir (nồng độ trong indinavir

trong máu giảm rõ rệt tránh phối hợp)

- Levothyroxin: Tăng chuyển hoá levothyroxin (có thể cần tăng liều levothyroxin trong giảm năng tuyến giáp)

- \* Lopinavir: Giảm nồng độ lopinavir, tránh phối hợp

- \* Medroxyprogesteron: Tăng chuyển hoá medroxyprogesteron (giảm tác dụng tránh thai)

- \* Nelfinavir: Nồng độ nelfinavir giảm rõ rệt tránh phối hợp

- \* Nifedipin: Tăng chuyển hoá nifedipin (giảm nồng độ trong máu)

- \* Phenytoin: Tăng chuyển hoá phenytoin (giảm nồng độ trong máu)

- \* Prednisolon: Tăng chuyển hoá prednisolon (giảm tác dụng)

- Propranolol: Tăng chuyển hoá propranolol, làm giảm nồng độ trong máu rõ

- \* Quinidin: Tăng chuyển hoá quinidin (giảm nồng độ trong máu)

- \* Saquinavir: Tăng chuyển hoá saquinavir (giảm nồng độ trong máu, tránh phối hợp)

- Theophylin: Tăng chuyển hoá theophylin (giảm nồng độ theophylin trong máu)

- \* Verapamil: Tăng chuyển hoá verapamil (giảm nồng độ trong máu rõ rệt)

- \* Warfarin: Tăng chuyển hoá warfarin (giảm tác dụng chống đông)

19. Streptomycin

- \*Alcuronium: Tăng tác dụng giãn cơ

- Amphotericin: Tăng độc tính trên thận

- \* Ciclosporin: Tăng độc tính trên thận

- \* Cisplatin: Tăng độc tính trên thận và có thể cả trên thính giác

- \* Furosemid: Tăng độc tính trên tai

- \* Neostigmin: Đối kháng tác dụng của neostigmin

- \* Pyridostigmin: Đối kháng tác dụng pyridostigmin

- \* Suxamethonium: Tăng tác dụng giãn cơ

- Vancomycin: Tăng độc tính trên thận và trên thính giác

- \* Vecuronium: Tăng tác dụng giãn cơ

20. Sulfamethoxazol + trimethoprim

- \* Azathioprin: Tăng độc tính trên máu

- \* Ciclosporin: Tăng độ tính trên thận; nồng độ ciclosporin trong máu có thể giảm bởi trimethoprim dùng đường tiêm

- Digoxin: Nồng độ digoxin trong máu có thể tăng

- \* Glibenclamid: Tăng tác dụng của glibenclamid

- Lamivudin: Tăng nồng độ trong máu của lamivudin (tránh phối hợp với sulfamethoxazol + trimethoprim liều cao)

- \* Mercaptopurin: Tăng độc tính trên máu

- \* Methotrexat: Hiệu ứng chống folat tăng, nguy cơ tăng độc tính của methotrexat

- \* Phenytoin: Hiệu ứng chống folat tăng, nồng độ phenytoin trong huyết tương tăng.

- Procainamid: Tăng nồng độ procainamid

- \* Sulfadoxin + pyrimethamin: Hiệu ứng chống folat tăng

- Thiopental: Tăng tác dụng của thiopental

- \* Warfarin: Tăng tác dụng chống đông

21. Vancomycin

- \* Furosemid: Tăng độc tính trên thính giác

- Gentamicin: Tăng độc tính trên thính giác và thận

- Streptomycin: Tăng độc tính trên tai và thận.

22. Không dùng kết hợp các thuốc có tương tác tăng độc tính

- Các thuốc nhóm aminoglycosid (gentamicin, amikacin, kanamicin) dùng cùng với furosemid gây độc thính giác

- Verapamil dùng cùng với digitalis gây rối loạn nhịp tim

- Magnesi sulfat dùng cùng với các aminoglycosid gây tác nghẽn thần kinh cơ (Neuromuscular Block)

- Cimetidin dùng cùng với các thuốc chuyển hoá (warfarin, diazepam, lidocain, thuốc chẹn bêta) gây kìm hãm chuyển hoá của thuốc.

Nguồn : Dược thư quốc gia Việt Nam